
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2013	7 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2013	10
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2013	11 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa 04 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Nhựa 04 được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Nhựa 04 theo Quyết định số 751/QĐ-UB ngày 06 tháng 02 năm 2001 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 410300039 ngày 21 tháng 3 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã bảy (07) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi. Thay đổi lần thứ bảy gần đây nhất (ngày 16 tháng 3 năm 2012) về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 20.818.000.000 VND

Mệnh giá cổ phần : 100.000 VND/Cổ phần

Cổ đông sáng lập	Số cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Lâm Việt Trung - Đại diện vốn Nhà nước	19.763	1.976.300.000	9,49
Ông Lâm Việt Trung	25.033	2.503.300.000	12,02
Ông Bùi Đức Chung	3.953	395.300.000	1,90
Ông Nguyễn Chí Hải	13.208	1.320.800.000	6,34
Các cổ đông khác	146.223	14.622.300.000	70,25
Cộng	208.180	20.818.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 364 - 366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 8) 38 552 735

Fax : (84 - 8) 39 520 665

Mã số thuế : 0 3 0 2 2 4 9 3 1 4

E-mail : lvt@plastic04.com

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xưởng sản xuất bao bì nhựa - Công ty cổ phần Nhựa 04	49/23 Lũy Bán Bích, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh công nghiệp sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; sản xuất bao nhựa PP, sản phẩm từ nhựa các loại (trừ tái chế phế thải nhựa);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, khuôn mẫu, công cụ, phụ tùng các loại phục vụ ngành nhựa; bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ ngành ngư nghiệp, ngành thủy hải sản;
- Đại lý tiêu thụ các loại vải công nghiệp giả da PU, PVC, ụ nổi, xuong, ghe nhựa;
- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tái chế phế liệu kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn phế liệu phi kim loại (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su;
- Bán buôn vải địa kỹ thuật, nhựa gỗ;
- Bán lẻ sản phẩm bằng plastic, cao su.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 24).

Trong năm, Công ty đã tiến hành chia cổ tức thuộc phần lợi nhuận năm 2012 với số tiền là 2.081.800.000 VND.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 (tám) về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính về số 1412 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường 01, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Việt Trung	Chủ tịch	30 tháng 9 năm 2011
Ông Nguyễn Chí Hải	Phó Chủ tịch	30 tháng 9 năm 2011
Ông Lê Văn Lực	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quốc Đạt	Trưởng ban	30 tháng 9 năm 2011
Bà Lâm Ngọc Lệ	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011
Ông Đặng Đình Phúc	Thành viên	30 tháng 9 năm 2011

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lâm Việt Trung	Tổng Giám đốc	30 tháng 9 năm 2011
Ông Lê Văn Lực	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 5 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực Kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức

độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 06 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Kính gửi: CỐ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần Nhựa 04 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14 tháng 3 năm 2014, từ trang 07 đến trang 24 kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhựa 04 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit),

Nguyễn Văn Bình - Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1715-2013-169-1

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 06 tháng 6 năm 2014

Lưu Đặng Mỹ Quỳnh - Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1540-2013-169-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225.907.176.289	235.653.699.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	9.656.390.334	4.184.913.546
1. Tiền	111		9.656.390.334	4.184.913.546
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.827.974.896	197.687.399.019
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	154.232.697.600	185.701.819.467
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	2.571.012.847	3.964.071.367
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	8.024.264.449	8.021.508.185
IV. Hàng tồn kho	140		43.492.430.015	25.539.157.363
1. Hàng tồn kho	141	V.05	43.646.835.400	25.693.562.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(154.405.385)	(154.405.385)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.930.381.044	8.242.229.789
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.853.873.251	7.170.072.442
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	6.991.363	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	1.069.516.430	1.072.157.347
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.612.054.743	55.657.217.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.070.645.233	6.833.733.233
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.08	5.070.645.233	6.833.733.233
II. Tài sản cố định	220		11.342.186.890	16.152.212.996
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	9.609.263.233	15.289.831.243
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>30.649.192.777</i>	<i>33.937.620.914</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(21.039.929.544)</i>	<i>(18.647.789.671)</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.732.923.657	862.381.753
III. Bất động sản đầu tư	240	V.11	11.795.171.643	12.489.005.271
<i>Nguyên giá</i>	241		<i>13.876.672.523</i>	<i>13.876.672.523</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		<i>(2.081.500.880)</i>	<i>(1.387.667.252)</i>
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.580.000.000	15.580.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	11.100.000.000	11.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	4.400.000.000	4.400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	80.000.000	80.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.824.050.977	4.602.266.098
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	4.824.050.977	4.602.266.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.519.231.032	291.310.917.315

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		<u>224.493.948.380</u>	<u>246.925.118.879</u>
I. Nợ ngắn hạn	310		<u>221.522.279.160</u>	<u>234.746.672.079</u>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	162.439.563.735	142.679.639.672
2. Phải trả người bán	312	V.17	49.214.206.565	76.750.307.255
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	3.313.259.803	10.074.714.676
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	2.991.560.865	2.263.079.347
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.572.298.825	1.322.268.338
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	591.967.354	257.240.778
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.399.422.013	1.399.422.013
II. Nợ dài hạn	330		<u>2.971.669.220</u>	<u>12.178.446.800</u>
Vay và nợ dài hạn	334	V.22	2.971.669.220	12.178.446.800
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		<u>50.025.282.652</u>	<u>44.385.798.436</u>
I. Vốn chủ sở hữu	410		<u>50.025.282.652</u>	<u>44.385.798.436</u>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	20.818.000.000	20.818.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	6.505.315.336	6.505.315.336
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	2.075.268.342	2.075.268.342
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	20.626.698.974	14.987.214.758
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		<u>274.519.231.032</u>	<u>291.310.917.315</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>		<i>375.859,73</i>	<i>107.958.52</i>
<i>Euro (EUR)</i>		<i>1.415,66</i>	<i>3.984.33</i>
<i>Yên Nhật (¥)</i>		<i>143.301,00</i>	<i>334.336.00</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2014

PHAN ANH TÀI
 Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.01	653.410.480.081	705.705.368.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 VI.01	653.410.480.081	705.705.368.403
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.02	625.824.586.671	678.915.528.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	27.585.893.410	26.789.840.398
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.03	885.740.406	5.407.545.001
7. Chi phí tài chính	22 VI.04	12.435.533.854	15.540.226.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	10.189.521.671	10.743.724.449
8. Chi phí bán hàng	24 VI.05	1.413.133.777	1.599.687.190
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 VI.06	4.457.523.072	4.156.652.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10.165.443.113	10.900.818.636
11. Thu nhập khác	31 VI.07	7.807.768.052	7.989.926.480
12. Chi phí khác	32 VI.08	7.475.279.810	7.084.380.795
13. Lợi nhuận khác	40	332.488.242	905.545.685
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.497.931.355	11.806.364.321
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 V.19	2.776.647.139	735.964.711
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	7.721.284.216	11.070.399.610
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 VI.09	3.709	5.318

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2014

PHAN ANH TÀI

Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.497.931.355	11.806.364.321
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02 V.9, V11	3.696.248.162	3.867.250.844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04 VI.04	1.391.891.807	4.133.323.125
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(4.000.000.000)
- Chi phí lãi vay	06 VI.04	10.189.521.671	10.743.724.449
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.775.592.995	26.550.662.739
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	38.728.993.944	(82.294.257.340)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.953.272.652)	(14.386.981.616)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(33.073.098.699)	44.683.466.898
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(832.059.540)	132.005.059
- Tiền lãi vay đã trả	13 VI.04	(10.189.521.671)	(10.743.724.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.19	(2.000.908.480)	(253.718.590)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.242.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	455.725.897	(36.313.789.963)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21 V.9, V10	(2.224.162.880)	(4.379.312.100)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	(3.148.721.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30	(2.224.162.880)	(7.528.033.100)
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	508.060.980.222	425.209.021.671
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(498.726.200.883)	(379.498.416.124)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.005.950.600)	(2.081.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	7.328.828.739	43.628.805.547
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	5.560.391.756	(213.017.516)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.01	4.184.913.546	4.400.071.748
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	(88.914.968)	(2.140.686)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.01	9.656.390.334	4.184.913.546

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2014

PHAN ANH TÀI
Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty cổ phần Nhựa 04 (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, cho thuê kho nhà xưởng, máy móc thiết bị.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh công nghiệp sản xuất các sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Sản xuất bao nhựa PP, sản phẩm từ nhựa các loại (trừ tái chế phế thải nhựa); Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, khuôn mẫu, công cụ, phụ tùng các loại phục vụ ngành nhựa.
- 4. Người lao động** : Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 95 người lao động đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ mười ba (13) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được thành lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Trung tâm phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	01 - 05

6. Tài sản thuê hoạt động

Doanh nghiệp là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

11. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả phải nộp khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.800 VND/USD
27.301 VND/EUR
240,32 VND/JPY
31/12/2013: 21.085 VND/USD
28.890 VND/EUR
199,64 VND/JPY

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu*****Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.01.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Đơn vị tính: VND****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	195.267.156	278.047.288
Tiền gửi ngân hàng	9.461.123.178	3.906.866.258
Cộng	9.656.390.334	4.184.913.546

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	102.720.032.234	118.922.474.810
Các khách hàng nước ngoài	51.512.665.366	66.779.344.657
Cộng	154.232.697.600	185.701.819.467

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Thành phần Dinh dưỡng Đà Hoa	530.477.939	530.477.939
Seacorp Sdn Bhd	1.069.740.116	-
Daco Holdings Limited	-	1.201.926.525
Các nhà cung cấp khác	970.794.792	2.231.666.903
Cộng	2.571.012.847	3.964.071.367

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức được chia từ Công ty cổ phần Bao bì Đại Lỵ	8.009.873.015	8.009.873.015
Các khoản phải thu khác	14.391.434	11.635.170
Cộng	8.024.264.449	8.021.508.185

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	12.844.678.874	-
Nguyên liệu, vật liệu	23.552.438.368	14.380.192.496
Công cụ, dụng cụ	15.781.091	15.781.091
Thành phẩm	7.233.937.067	11.297.589.161
Cộng	<u>43.646.835.400</u>	<u>25.693.562.748</u>

6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa.

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên của Công ty.

8. Phải thu dài hạn

Khoản phải thu tiền cho thuê tài chính của Công ty cổ phần Bao Bì Đại Lục.

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.597.303.587	18.001.930.842	863.256.699	475.129.786	33.937.620.914
Tăng trong năm	-	1.353.620.976	-	-	1.353.620.976
Mua sắm mới	-	1.337.324.732	-	-	1.337.324.732
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	16.296.244	-	-	16.296.244
Phân loại lại	(48.486.495)	(4.245.659.265)	(35.963.887)	(311.939.466)	(4.642.049.113)
Số cuối năm	<u>14.548.817.092</u>	<u>15.109.892.553</u>	<u>827.292.812</u>	<u>163.190.320</u>	<u>30.649.192.777</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.186.804.904	7.321.469.278	678.775.788	460.739.701	18.647.789.671
Khấu hao trong năm	855.532.219	2.006.625.995	133.463.856	6.792.464	3.002.414.534
Phân loại lại	(38.502.199)	(231.466.730)	(35.963.887)	(304.341.845)	(610.274.661)
Số cuối năm	<u>11.003.834.924</u>	<u>9.096.628.543</u>	<u>776.275.757</u>	<u>163.190.320</u>	<u>21.039.929.544</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.410.498.683	10.680.461.564	184.480.911	14.390.085	15.289.831.243
Số cuối năm	<u>3.544.982.168</u>	<u>6.013.264.010</u>	<u>51.017.055</u>	<u>-</u>	<u>9.609.263.233</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 30.486.002.457 VND và 9.609.263.233 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	97.797.807	30.979.873	(16.296.244)	112.481.436
XDCB dở dang	764.583.946	855.858.275	-	1.620.442.221
Cộng	<u>862.381.753</u>	<u>886.838.148</u>	<u>(16.296.244)</u>	<u>1.732.923.657</u>

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	13.876.672.523	1.387.667.252	12.489.005.271
Tăng trong năm	-	693.833.628	-
Số cuối năm	<u>13.876.672.523</u>	<u>2.081.500.880</u>	<u>11.795.171.643</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	768.000.000	768.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	693.833.628	693.833.628

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành.

12. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tổng vốn điều lệ của Công ty con	Số vốn Công ty góp	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	20.000.000.000	11.100.000.000	55,50

13. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tổng vốn điều lệ của Công ty liên kết	Số vốn Công ty góp	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	10.000.000.000	4.400.000.000	44,40

14. Đầu tư dài hạn khác

Góp vốn vào Công ty cổ phần Thành phần Dinh dưỡng Đà Hoa.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Tiền thuê đất	4.552.768.234	-	(110.239.673)	4.442.528.561
Công cụ, dụng cụ	1.682.031	363.311.283	(26.640.973)	338.352.341
Chi phí khác	47.815.833	103.608.181	(108.253.939)	43.170.075
Cộng	4.602.266.098	466.919.464	(245.134.585)	4.824.050.977

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	145.313.263.195	141.929.639.672
- Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành ^(a)	78.799.068.455	75.440.692.912
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn ^(b)	59.883.162.740	56.172.146.760
- Vay chiết khấu bộ chứng từ	6.631.032.000	10.316.800.000
Vay ngắn hạn cá nhân ^(c)	11.950.000.000	750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22)	5.176.300.540	-
Cộng	162.439.563.735	142.679.639.672

(a) Khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Lô IV-4A KCN Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và một số máy móc, thiết bị; quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa 1109, tờ bản đồ số 5, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, tỉnh Long An và máy móc thiết bị tại nhà xưởng Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các động sản thuộc dự án nhà máy nhựa gỗ.
- (c) Vay Ông Lâm Việt Trung và Bà Đặng Phương Thảo với lãi suất 8,4%/năm. Khoản vay này không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng	141.929.639.672	496.065.710.922	-	1.154.375.204	(493.836.462.603)	145.313.263.195
<i>Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành</i>	75.440.692.912	267.183.500.629	-	994.010.070	(264.819.135.156)	78.799.068.455
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn</i>	56.172.146.760	183.806.590.293	-	146.010.134	(180.241.584.447)	59.883.162.740
<i>Vay chiết khấu bộ chứng từ</i>	10.316.800.000	45.075.620.000	-	14.355.000	(48.775.743.000)	6.631.032.000
Vay ngắn hạn cá nhân	750.000.000	11.200.000.000	-	-	-	11.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	5.176.300.540	-	-	5.176.300.540
Cộng	142.679.639.672	507.265.710.922	5.176.300.540	1.154.375.204	(493.836.462.603)	162.439.563.735

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	33.447.311.052	72.112.359.848
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	1.523.419.967	1.190.368.802
Các nhà cung cấp khác	14.243.475.546	3.447.578.605
Cộng	49.214.206.565	76.750.307.255

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng trong nước	317.815.834	3.567.603.971
Các khách hàng nước ngoài	2.995.443.969	6.507.110.705
Cộng	3.313.259.803	10.074.714.676

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	227.202.400	192.962.850	(192.962.850)	227.202.400
Thuế xuất, nhập khẩu	-	78.489.093	(78.489.093)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.988.619.806	2.776.647.139	(2.000.908.480)	2.764.358.465
Thuế thu nhập cá nhân	47.257.141	133.165.013	(187.413.517)	(6.991.363)
Tiền thuê đất	-	523.994.401	(523.994.401)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	2.263.079.347	3.708.258.496	(2.986.768.341)	2.984.569.502

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**+ Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng xuất khẩu	0 %
Hàng tiêu thụ trong nước	10 %

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số IV.15.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.497.931.355	11.806.364.321
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp:	608.657.200	(7.600.851.690)
- Các khoản điều chỉnh tăng	626.281.607	129.006.664
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.624.407)	(7.729.858.354)
Tổng thu nhập tính thuế	11.106.588.555	4.205.512.631
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.776.647.139	1.051.378.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm	-	(315.413.447)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.776.647.139	735.964.711

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự thanh, kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

20. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải thanh toán cho người lao động.

21. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	220.386.000	-
Cổ tức phải trả	192.167.400	116.318.000
Các khoản phải trả khác	179.413.954	140.922.778
Cộng	591.967.354	257.240.778

22. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị mở rộng sản xuất bao PP, túi xách xuất khẩu tại Long An và đầu tư dây chuyền đồng bộ cho máy tạo hạt taical. Các Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa 1109, tờ bản đồ số 5, xã Lợi Bình Nhơn, TP. Tân An, tỉnh Long An.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	12.178.446.800
Số tiền vay phát sinh trong năm	795.269.300
Chênh lệch tỷ giá	63.991.940
Số tiền vay đã trả trong năm	(4.889.738.280)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(5.176.300.540)
Số cuối năm	2.971.669.220

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:**

Từ 01 năm trở xuống

5.176.300.540

Trên 01 năm đến 05 năm

2.971.669.220

Tổng nợ**8.147.969.760****23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	20.818.000.000	6.505.315.336	2.075.268.342	14.987.214.758	44.385.798.436
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.721.284.216	7.721.284.216
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(2.081.800.000)	(2.081.800.000)
Số dư cuối năm	20.818.000.000	6.505.315.336	2.075.268.342	20.626.698.974	50.025.282.652

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.976.300.000	1.976.300.000
Các cổ đông khác	18.841.700.000	18.841.700.000
Cộng	20.818.000.000	20.818.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	208.180	208.180
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	208.180	208.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>208.180</i>	<i>208.180</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	208.180	208.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>208.180</i>	<i>208.180</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		100.000 VND

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu thuần bán hàng hóa	203.407.626.298	167.036.416.365
Doanh thu thuần bán thành phẩm	443.232.438.900	528.810.928.465
Doanh thu thuần bán, cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng	6.770.414.883	9.858.023.573
Doanh thu thuần	653.410.480.081	705.705.368.403

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa	197.535.230.295	276.828.021.925
Giá vốn thành phẩm	423.219.907.222	393.750.775.956
Giá vốn bán, cho thuê máy móc thiết bị, nhà xưởng	5.069.449.154	8.336.730.124
Cộng	<u>625.824.586.671</u>	<u>678.915.528.005</u>

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	388.060.791.645	367.551.411.187
Chi phí nhân công trực tiếp	3.842.798.448	2.980.340.969
Chi phí sản xuất chung	27.252.665.035	31.070.148.806
Tổng chi phí phát sinh trong năm	<u>419.156.255.128</u>	<u>401.601.900.962</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	419.156.255.128	401.601.900.962
Chênh lệch thành phẩm tồn kho	4.063.652.094	(7.220.666.616)
Trừ thành phẩm xuất khác	-	(630.458.390)
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	<u>423.219.907.222</u>	<u>393.750.775.956</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	140.423.315	21.029.937
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	745.317.091	1.386.515.064
Cộng	<u>885.740.406</u>	<u>5.407.545.001</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	10.189.521.671	10.743.724.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.391.891.807	4.133.323.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	854.120.376	663.179.161
Cộng	<u>12.435.533.854</u>	<u>15.540.226.735</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.413.133.777	1.405.000.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	194.687.080
Cộng	<u>1.413.133.777</u>	<u>1.599.687.190</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.011.559.739	1.968.364.909
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.959.631	51.192.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.860.359	155.017.413
Thuế phí và lệ phí	438.455.803	169.555.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.841.650.810	1.307.126.786
Chi phí khác	24.036.730	505.396.287
Cộng	<u>4.457.523.072</u>	<u>4.156.652.838</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dịch vụ bảo vệ	324.000.000	559.000.000
Thu tiền điện, nước, điện thoại, bưu điện, internet, mail	7.475.279.810	7.084.380.795
Các khoản thu nhập khác	<u>8.488.242</u>	<u>346.545.685</u>
Cộng	<u>7.807.768.052</u>	<u>7.989.926.480</u>

8. Chi phí khác

Chi phí điện, nước, điện thoại, bưu điện, internet, mail.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.721.284.216	11.070.399.610
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u>-</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.721.284.216	11.070.399.610
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>2.081.800</u>	<u>2.081.800</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.709</u>	<u>5.318</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.081.800	2.081.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	<u>-</u>	<u>-</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>2.081.800</u>	<u>2.081.800</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.366.374.514
Chi phí nhân công	8.540.452.774
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.688.491.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.142.701.661
Các chi phí khác	<u>2.288.891.689</u>
Cộng	<u>425.026.911.977</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 (tám) về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính về số 1412 Đại lộ Võ Văn Kiệt, phường 01, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền vay	-	750.000.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Tiền vay	11.200.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>		
Tiền vay	750.000.000	750.000.000
<i>Các cá nhân có liên quan</i>		
Tiền vay	11.200.000.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>11.950.000.000</u>	<u>750.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 745.054.123 VND.

Các bên liên quan khác với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần Bao bì Đại Lục	Công ty con
Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	367.682.801.977	407.032.777.547
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	168.552.195.706	179.304.363.355
Cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị	2.795.851.680	3.252.410.973
Cung cấp dịch vụ khác	7.076.668.262	6.446.963.638
Cổ tức được chia	-	4.000.000.000
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	2.273.696.506	1.015.658.321
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	2.828.014.822	3.296.218.042
Bán, cho thuê nhà xưởng máy móc thiết bị	-	615.465.600
Cung cấp các dịch vụ khác	346.837.816	1.019.153.181

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nợ phải thu, nợ phải trả với Các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	78.486.957.637	94.450.703.201
Phải thu tiền cổ tức	8.009.873.015	8.009.873.015
Phải thu tiền cho thuê tài chính	5.070.645.233	6.833.733.233
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	16.692.162.140	13.199.824.238
Cộng nợ phải thu	<u>108.259.638.025</u>	<u>122.494.133.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA 04

Địa chỉ: 364-366 Nguyễn Văn Luông, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần Bao bì Đại lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	33.447.311.052	72.112.359.848
<i>Công ty cổ phần Nhựa gỗ Đại Lục</i>		
Mua nguyên vật liệu, thành phẩm	1.523.419.967	1.190.368.802
Cộng nợ phải trả	<u>34.970.731.019</u>	<u>73.302.728.650</u>

3. Thuê hoạt động***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.829.259.680	2.829.259.680
Trên 01 năm đến 05 năm	4.562.408.987	6.623.668.667
Trên 05 năm	9.984.000.000	10.752.000.000
Cộng	<u>17.375.668.667</u>	<u>20.204.928.347</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2014

PHAN ANH TÀI

Kế toán trưởng

LÂM VIỆT TRUNG

Tổng Giám đốc